

Số: **358** /QĐ-CT

Hải Phòng, ngày **13** tháng **02** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Quyết định số 2571/QĐ-BTP ngày 14/12/2017 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đấu giá tài sản; Quyết định số 40/QĐ-BTP ngày 08/01/2018 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 152/TTr - STP ngày 30/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp; thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /A

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBND TP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT. ✓

CHỦ TỊCH



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ, THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TƯ PHÁP**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 358 /QĐ-CT ngày 13/02/2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp lĩnh vực Đấu giá tài sản (12 thủ tục)

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----|---|--|--------------------------------|----------------|--|
| 1 | Cấp Thẻ đấu giá viên | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017. |
| 2 | Thu hồi Thẻ đấu giá viên | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017. |
| 3 | Cấp lại Thẻ đấu giá viên | 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017. |
| 4 | Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 1.000.000 đồng | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017. |
| 5 | Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành | Không quy định | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 500.000 đồng | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017. |



| | | | | | |
|----|--|---|--------------------------------|----------------|--|
| | chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp | | | | |
| 6 | Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 500.000 đồng | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017. |
| 7 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thay đổi | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 500.000 đồng | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017. |
| 8 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 500.000 đồng | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017. |
| 9 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản | 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017. |
| 10 | Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | - Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu của Sở Tư pháp đối với doanh nghiệp đấu giá tài | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | - Luật Đấu giá tài sản. |

| | | | | | |
|----|---|---|--------------------------------|----------------|--|
| | | <p>sản không đáp ứng điều kiện tại khoản 3 Điều 23 Luật Đấu giá tài sản 2016;</p> <p>- Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn trong thông báo của Sở Tư pháp mà người được yêu cầu không đến đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản ngừng hoạt động 01 năm.</p> | | | |
| 11 | Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến | 90 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017. |
| 12 | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 2.700.000 đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017; Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017. |

10/10/17

II. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật

| STT | Tên thủ tục hành chính được thay thế | Tên thủ tục hành chính thay thế | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|---|---|---|---|---------------------------------|----------------|--|
| A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (02 thủ tục) | | | | | | |
| 1. | Công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh) | Công nhận báo cáo viên pháp luật thành phố | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016. |
| 2. | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp tỉnh) | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật thành phố | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định | Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | Không quy định | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016. |
| B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (02 thủ tục) | | | | | | |
| 1. | Công nhận báo cáo viên pháp luật (cấp huyện) | Công nhận báo cáo viên pháp luật huyện | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định | Ủy ban nhân dân các quận, huyện | Không quy định | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016. |
| 2. | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật (cấp huyện) | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật huyện | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin theo quy định | Ủy ban nhân dân các quận, huyện | Không quy định | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016. |

| C. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (02 thủ tục) | | | | | | |
|--|--|--|---|--------------------------------------|----------------|--|
| 1. | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức Tư pháp-hộ tịch | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016. |
| 2. | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức Tư pháp-hộ tịch | Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn | Không quy định | Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016. |

III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|--|---|
| A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố (02 thủ tục) | |
| 1. | Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh |
| 2. | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh |
| B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (02 thủ tục) | |
| 1. | Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện |
| 2. | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện |
| C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (02 thủ tục) | |
| 1. | Công nhận tuyên truyền viên pháp luật |
| 2. | Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật |